

Số: 110 /XN-DP

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0091.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG  
Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Người lấy mẫu : KTV. Nhân  
Địa điểm lấy mẫu : Xí nghiệp cấp nước Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.  
Ngày lấy mẫu : 11/2/2020  
Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)  
Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 300mL x 2  
Ngày nhận mẫu : 11/02/2020  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 300mL, không bổ sung hoá chất cố định.

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

| Stt | Chỉ tiêu                                              | Phương pháp                                           | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL)                         | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 12/02/2020      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)                          | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 12/02/2020      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)                             | TCVN 6186- 1996 (*)                                   | 0,48                | 2                   | 11/02/2020      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                                         | SMEWW 4500 - Cl F-2012                                | 0,33                | 0,3 - 0,5           | 11/02/2020      |
| 5   | Clorua (mg/L)                                         | SMEWW 4500 - Cl <sup>-</sup> B - 2012 (*)             | 228,00              | 250,00              | 12/02/2020      |
| 6   | Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO <sub>3</sub> (mg/L) | SMEWW 2340C - 2012 (*)                                | 40,00               | 300,00              | 12/02/2020      |
| 7   | Độ đục (NTU)                                          | SMEWW 2130B - 2012                                    | 0,37                | 2                   | 11/02/2020      |
| 8   | Độ màu (màu sắc) (TCU)                                | SMEWW 2120C - 2012 (*)                                | 2,92                | 15                  | 11/02/2020      |
| 9   | Mangan tổng số (mg/L)                                 | SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)                          | Không phát hiện     | 0,3                 | 11/02/2020      |
| 10  | Mùi vị                                                | Cảm quan                                              | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 11/02/2020      |
| 11  | Nitrate (mg/L)                                        | TCVN 6180- 1996                                       | 0,66                | 50                  | 11/02/2020      |
| 12  | Nitrite (mg/L)                                        | SMEWW 4500- NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> B - 2012 (*) | Không phát hiện     | 3                   | 11/02/2020      |
| 13  | pH                                                    | TCVN 6492:2011 (*)                                    | 7,46                | 6,5 - 8,5           | 12/02/2020      |
| 14  | Sắt tổng cộng (mg/L)                                  | SMEWW 3500 Fe - B - 2012                              | 0,21                | 0,3                 | 11/02/2020      |
| 15  | Sulphat (mg/L)                                        | SMEWW 427 C - 2012                                    | 2,23                | 250                 | 11/02/2020      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01/2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 0091.20

| Stt | Chỉ tiêu | Phương pháp | Kết quả | Tiêu chuẩn | Ngày xét nghiệm |
|-----|----------|-------------|---------|------------|-----------------|
|-----|----------|-------------|---------|------------|-----------------|

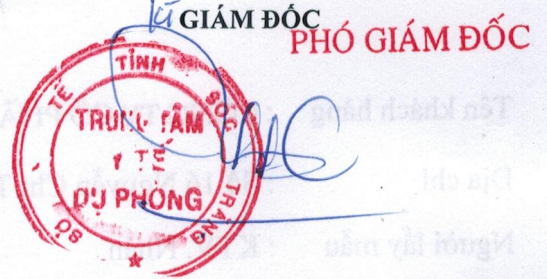
Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 02 năm 2020

TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM

*[Signature]*

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN



BS. CKII. Võ Quang Hà

| Stt | Chỉ tiêu                                             | Phương pháp                                 | Kết quả            | Tiêu chuẩn         | Ngày xét nghiệm |
|-----|------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------|
| 1   | Coliform tổng số (CFU/100mL)                         | ISO 9308 - 1:2014 (B) (*)                   | 0                  | 0                  | 11/02/2020      |
| 2   | Coliform colic (CFU/100mL)                           | ISO 9308 - 1:2014 (B) (*)                   | 0                  | 0                  | 11/02/2020      |
| 3   | Chỉ số Bacteraemia (mg/L)                            | TCVN 6186 - 1996 (*)                        | 0,48               | 5                  | 11/02/2020      |
| 4   | Clorua (mg/L)                                        | SM/WW 4500 - Cl - 2012                      | 0,33               | 0,3 - 0,5          | 11/02/2020      |
| 5   | Clorua (mg/L)                                        | SM/WW 4500 - Cl - 2012                      | 328,00             | 350,00             | 11/02/2020      |
| 6   | Độ cứng tổng cộng tính theo CaCO <sub>3</sub> (mg/L) | SM/WW 2310C - 2012 (*)                      | 40,00              | 300,00             | 11/02/2020      |
| 7   | Độ đục (NTU)                                         | SM/WW 2130D - 2012                          | 0,37               | 3                  | 11/02/2020      |
| 8   | Độ màu (màu sắc) (TCU)                               | SM/WW 2120C - 2012 (*)                      | 2,92               | 18                 | 11/02/2020      |
| 9   | Mangan tổng số (mg/L)                                | SM/WW 3500 Mn - B - 2012 (*)                | Không phát hiện    | 0,3                | 11/02/2020      |
| 10  | Môi trường                                           | Cẩn quan                                    | Không có mùi vị lạ | Không có mùi vị lạ | 11/02/2020      |
| 11  | Nitrate (mg/L)                                       | TCVN 6180 - 1996                            | 0,66               | 50                 | 11/02/2020      |
| 12  | Nitrite (mg/L)                                       | SM/WW 4500 - NO <sub>2</sub> - B - 2012 (*) | Không phát hiện    | 3                  | 11/02/2020      |
| 13  | pH                                                   | TCVN 6492:2012 (*)                          | 7,46               | 6,5 - 8,5          | 11/02/2020      |
| 14  | Sắt tổng cộng (mg/L)                                 | SM/WW 3500 Fe - B - 2012                    | 0,21               | 0,3                | 11/02/2020      |
| 15  | Sulfat (mg/L)                                        | SM/WW 432 C - 2012                          | 8,23               | 350                | 11/02/2020      |

Số: /// /XN-DP

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0092.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG  
Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Người lấy mẫu : KTV. Nhân  
Địa điểm lấy mẫu : Số 33, tỉnh lộ 934, TT. Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.  
Ngày lấy mẫu : 11/2/2020  
Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN ( TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC )  
Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 300mL x 2  
Ngày nhận mẫu : 11/02/2020  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 300mL, không bổ sung hoá chất cố định.

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

| Stt | Chỉ tiêu                      | Phương pháp               | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------|---------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL) | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*) | 0                   | 0                   | 12/02/2020      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)  | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*) | 0                   | 0                   | 12/02/2020      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)     | TCVN 6186- 1996 (*)       | 0,64                | 2                   | 11/02/2020      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                 | SMEWW 4500 - CI F-2012    | 0,33                | 0,3 - 0,5           | 11/02/2020      |
| 5   | Độ đục (NTU)                  | SMEWW 2130B - 2012        | 0,28                | 2                   | 11/02/2020      |
| 6   | Độ màu (màu sắc) (TCU)        | SMEWW 2120C - 2012 (*)    | 3,09                | 15                  | 11/02/2020      |
| 7   | Mùi vị                        | Cảm quan                  | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 11/02/2020      |
| 8   | Sắt tổng cộng (mg/L)          | SMEWW 3500 Fe - B - 2012  | 0,16                | 0,3                 | 11/02/2020      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN ( TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01/2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

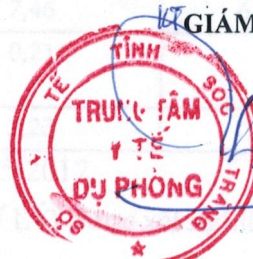
Sóc Trăng, ngày 19 tháng 02 năm 2020

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Võ Quang Hà